

Bài 27
VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN
MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

– Biết được cơ cấu ngành công nghiệp năng lượng của nước ta cũng như các nguồn lực tự nhiên, tình hình sản xuất và phân bố của từng phân ngành.

– Hiểu rõ được cơ cấu ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, cơ sở nguyên liệu, tình hình sản xuất và phân bố của từng phân ngành.

2. Về kĩ năng

– Xác định được trên bản đồ những vùng phân bố than, dầu khí cũng như các nhà máy nhiệt điện, thủy điện chính đã và đang được xây dựng ở nước ta và đường dây siêu cao áp 500 kV.

– Xác định được trên bản đồ các vùng nguyên liệu chính và các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm của nước ta.

– Phân tích được sơ đồ cấu trúc, biểu đồ và số liệu về ngành công nghiệp năng lượng và công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Bản đồ Nông nghiệp, Công nghiệp chung Việt Nam.

– Atlas Địa lí Việt Nam.

– Bảng số liệu, biểu đồ các loại có liên quan.

– Tranh ảnh, băng hình về khai thác than, dầu khí, công nghiệp điện lực và công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Về cơ cấu, công nghiệp năng lượng gồm hai phân ngành. Đối với nước ta, công nghiệp khai thác nguyên, nhiên liệu chỉ gồm công nghiệp khai thác than và dầu khí. Còn công nghiệp điện lực chủ yếu là nhiệt điện và thủy điện. Các dạng khác không đáng kể (phong điện) hoặc sẽ phát triển trong tương lai (điện nguyên tử).

– Việc khai thác than đã được tiến hành từ thời Pháp thuộc. Năm 1884, Pháp đã thành lập Công ti than Bắc Kỳ để khai thác nguồn tài nguyên này. Dưới thời Pháp thuộc, khoảng 54 triệu tấn than đã được khai thác.

Sau khi miền Bắc được giải phóng (năm 1954), công nghiệp khai thác than có điều kiện để phát triển, nhưng sản lượng chưa nhiều. Trong những năm chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, sản lượng vẫn duy trì trung bình năm ở mức 2,6 – 3,4 triệu tấn. Trong những năm gần đây, sản lượng than tăng nhanh.

– Việc thăm dò dầu khí ở miền Bắc ngay từ năm 1954 đã được quan tâm. Từ những năm 1960 đến năm 1975, công tác này được triển khai mạnh ở vùng Đông bằng sông Hồng và đã phát hiện ra mỏ khí Tiền Hải (Thái Bình).

Ở miền Nam trong giai đoạn này cũng tiến hành thăm dò, tìm kiếm ở vùng biển Nam Trung Bộ và Nam Bộ, nhưng chưa có kết quả cụ thể.

Ngay sau khi đất nước thống nhất (năm 1975), Tổng cục Dầu khí đã được thành lập (3-9-1975) và sau đó là Vietsopetro ra đời (năm 1981). Hàng loạt mỏ dầu khí được phát hiện và đưa vào khai thác. Việt Nam đã trở thành một trong 44 nước có khai thác dầu trên thế giới và đứng thứ 4 ở Đông Nam Á sau Malaixia, Brunây và Indônêxia về sản lượng dầu khai thác hằng năm.

b) Công nghiệp điện lực ở nước ta phát triển tương đối sớm. Nhà máy điện đầu tiên là nhà máy điện Sông Cấm (Hải Phòng) đã được xây dựng vào năm 1892.

Nước ta có thế mạnh về thủy điện. Theo đánh giá của ngành điện lực, tiềm năng thủy điện của nước ta đạt công suất 30 triệu kW.

Về cơ cấu, thủy điện ngày càng có vai trò to lớn và liên tục tăng, từ 28% năm 1985 lên 61% năm 1990 và chiếm khoảng gần 3/4 sản lượng điện toàn quốc trước khi trung tâm điện khí Phú Mỹ hoạt động. Đến năm 2005, cơ cấu sản lượng điện diễn ra theo chiều hướng ngược lại (70% sản lượng điện được sản xuất bằng nhiên liệu từ than, diezen và khí tự nhiên).

c) Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là ngành dựa vào nguồn nguyên liệu chủ yếu từ nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) và từ thủy sản (đánh bắt, nuôi trồng) để đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

– Ngành công nghiệp này có vai trò quan trọng và được thể hiện ở một số điểm sau đây :

+ Thông qua hoạt động chế biến, các sản phẩm nông nghiệp – thủy sản vừa có chất lượng cao, vừa dễ bảo quản, thuận tiện cho việc vận chuyển. Trong xã hội công nghiệp, nó giải phóng cho người nội trợ thoát khỏi sự phụ thuộc vào công việc bếp núc cổ truyền.

+ Về mặt kinh tế, việc xây dựng ngành công nghiệp này đòi hỏi vốn đầu tư ít, thời gian quay vòng lại nhanh. Việc thu hồi vốn diễn ra sau một thời gian ngắn làm tăng tốc độ tích lũy cho nền kinh tế.

+ Các sản phẩm của ngành tạo nên một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta. Ngoài ra, công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm còn thúc đẩy việc sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp, góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế – xã hội ở nông thôn.

– Trong cơ chế thị trường, một trong những vấn đề cần quan tâm hàng đầu là chất lượng và giá thành sản phẩm, sao cho có thể đứng vững được ở thị trường cả trong và ngoài nước. Ngoài ra, việc xây dựng thương hiệu cho sản phẩm cũng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

– Việc phân bố của công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm mang tính quy luật. Đây là ngành được phân bố phụ thuộc nhiều vào tính chất của nguồn nguyên liệu, nhất là nguyên liệu nhiệt đới tươi sống, dễ bị hư hỏng. Vì thế, phần lớn xí nghiệp sơ chế đều gắn với vùng nguyên liệu. Trong khi đó, các xí nghiệp chế biến thành phẩm có xu hướng phân bố ngay ở vùng tiêu thụ.

– GV có thể tham khảo thêm tài liệu : *Địa lí các ngành công nghiệp trọng điểm ở Việt Nam. NXB Giáo dục, 2008.*

2. Về phương pháp

GV cần phát huy tính tích cực của HS thông qua việc khai thác các sơ đồ cấu trúc ngành (năng lượng, thực phẩm), biểu đồ, lược đồ, câu hỏi giữa bài cũng như bản đồ giáo khoa (nông nghiệp, công nghiệp) và Atlas Địa lí Việt Nam.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Trên cơ sở kiến thức của bài 26, GV chỉ giới thiệu hai trong nhiều ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta là công nghiệp năng lượng và công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

2. Dựa vào sơ đồ cơ cấu ngành công nghiệp năng lượng, GV yêu cầu HS phân tích cơ cấu của ngành này và từ đó tiếp tục tiến trình dạy – học.

– Đối với công nghiệp khai thác nguyên nhiên liệu, GV giúp HS tái hiện các kiến thức đã học ở lớp 9, rồi sau đó nhận xét, tổng kết (căn cứ vào bản đồ giáo khoa, Atlas Địa lí Việt Nam...).

– Đối với công nghiệp điện lực cũng tương tự như vậy.

Xin lưu ý, GV cần làm cho HS nhớ được các đối tượng địa lí của bài này (các khu vực phân bố than, các nhà máy nhiệt điện, thủy điện chính) trên bản đồ.

3. Dựa vào sơ đồ cơ cấu ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, GV yêu cầu HS trình bày cơ cấu của ngành công nghiệp này. Sau đó dựa vào bảng số liệu, GV hướng dẫn HS phân tích cơ sở nguyên liệu, tình hình sản xuất, phân bố và mối quan hệ của chúng đối với từng phân ngành.

V – THÔNG TIN BỔ SUNG

Bảng 27.1. SẢN LƯỢNG THAN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1975 – 2006

(Đơn vị : triệu tấn)

Năm	Sản lượng	Năm	Sản lượng
1975	5,2	1990	4,6
1976	5,7	1991	5,0
1977	6,2	1994	5,9
1978	6,0	1995	8,4
1979	5,6	1996	9,8
1980	5,2	1997	11,4
1985	5,7	1999	9,6
1986	6,4	2000	11,6
1988	6,9	2005	34,1
1989	3,8	2006	38,9

Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam (1976 – 2006)

Bảng 27.2. SẢN LƯỢNG DẦU THÔ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1986 – 2006

(Đơn vị : nghìn tấn)

Năm	Sản lượng	Năm	Sản lượng
1986	40	1995	7620
1987	208	1996	8803
1988	688	1997	10090
1989	1520	1998	12500
1990	2700	1999	15217
1991	3950	2000	16291
1992	5500	2004	20051
1993	6300	2005	18519
1994	6900	2006	17200

Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam (1976 – 2006)

Bảng 27.3. SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1975 – 2006

(Đơn vị : triệu kWh)

Năm	Sản lượng	Năm	Sản lượng
1975	2 428	1997	19 253
1980	3 680	1998	21 694
1985	5 230	1999	23 599
1990	8 790	2000	26 683
1995	14 665	2005	52 078
1996	16 962	2006	59 050

Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam (1976–2006)